

Số: 1938/KH-SLĐTBXH

An Giang, ngày 02 tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH
Kiểm tra việc thực hiện công tác trẻ em năm 2022

Căn cứ Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định 1871/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Kế hoạch phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trái quy định của pháp luật giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 581/KH-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh An Giang về phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc triển khai công tác trẻ em năm 2022 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 615/KH-SLĐTBXH ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang về việc tổ chức phát động phong trào thi đua thực hiện công tác trẻ em năm 2022,

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện công tác trẻ em năm 2022 với nội dung như sau:

1. Mục đích yêu cầu:

- Bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em, phát triển toàn diện trẻ em nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; tạo lập môi trường sống an toàn, lành mạnh và thân thiện cho trẻ em.

- củng cố và nâng cao hiệu quả công tác trẻ em trên địa bàn tỉnh.

- Kịp thời phát hiện những vấn đề hạn chế trong công tác trẻ em, giúp cho việc điều chỉnh giải pháp những năm tiếp theo.

- Tạo điều kiện cho công tác phối hợp thực hiện công tác trẻ em ngày càng hiệu quả và chặt chẽ hơn.

2. Nội dung kiểm tra:

2.1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện các Chương trình, Kế hoạch bảo vệ chăm sóc trẻ em.

2.2. Công tác phối hợp liên ngành thực hiện Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh An Giang ban hành quy trình phối hợp hỗ trợ, can thiệp, xử lý trường hợp trẻ em bị bạo lực, xâm hại trên địa bàn tỉnh An Giang.

2.3. Mô hình công tác xã hội học đường tại các điểm trường THCS và THPT.

2.4. Phúc tra bảng điểm theo Kế hoạch số 615/KH-SLĐTBXH ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang về việc tổ chức phát động phong trào thi đua thực hiện công tác trẻ em năm 2022.

3. Hình thức kiểm tra:

3.1. Kiểm tra thực tế

- Đoàn kiểm tra đi thực tế tại 01 trường THCS hoặc trường THPT về triển khai mô hình Công tác xã hội học đường tại các huyện, thị xã, thành phố.

- Đoàn kiểm tra trao đổi các nội dung liên quan đến việc thực hiện mô hình công tác xã hội học đường như: Tham vấn, tư vấn, kết nối dịch vụ, quản lý trường hợp học sinh có nguy cơ bỏ học, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, bị bóc lột, xâm hại; tổ chức sinh hoạt nhóm, chuyên đề,...

- Kiểm tra quy trình phối hợp can thiệp, hỗ trợ, xử lý 01 trường hợp trẻ em bị xâm hại tại địa phương.

3.2. Phúc tra bảng điểm đánh giá công tác trẻ em năm 2022 theo Kế hoạch số 615/KH-SLĐTBXH ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang về việc tổ chức phát động phong trào thi đua thực hiện công tác trẻ em năm 2022.

3.3. Tổ chức buổi làm việc với đại diện lãnh đạo UBND huyện; đại diện các ban, ngành, đoàn thể của huyện: Lao động - TBXH, Y tế, Giáo dục, Thanh niên, Tư pháp, Phụ nữ, Văn hóa Thông tin, Công an và các đơn vị được kiểm tra thực tế tại UBND huyện.

4. Các đơn vị kiểm tra: Thành phố Long Xuyên, thành phố Châu Đốc, huyện Chợ Mới, huyện Thoại Sơn, huyện Tịnh Biên và huyện An Phú.

5. Thành phần đoàn kiểm tra:

5.1. Thành lập đoàn kiểm tra việc thực hiện quyền trẻ em gồm các Sở, ban, ngành sau:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Trưởng đoàn

- Mời Sở Y tế
- Mời Sở Giáo dục - Đào tạo
- Mời Công an tỉnh
- Mời Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch
- Mời Sở Tư pháp
- Mời Hội Liên hiệp phụ nữ
- Mời Tỉnh Đoàn
- Phó Trưởng đoàn
- Phó Trưởng đoàn
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên

* Thành lập Tổ giúp việc đoàn kiểm tra gồm:

- Phòng Trẻ em - Bình đẳng giới, Sở Lao động - TBXH - Tổ trưởng
- Phòng Thanh tra - Sở Lao động - TBXH - Thành viên
- Trung tâm Công tác xã hội - Quỹ Bảo trợ trẻ em Tỉnh - Thành viên

5.2. Thành phần cấp huyện tham dự buổi làm việc của Đoàn kiểm tra gồm: Đại diện lãnh đạo UBND huyện; Đại diện các ban, ngành, đoàn thể của huyện và lãnh đạo UBND các xã, phường, thị trấn của huyện.

6. Thời gian dự kiến kiểm tra:

- Huyện Chợ Mới: ngày 18/10/2022
- Huyện An Phú: ngày 21/10/2022
- Thành phố Châu Đốc: ngày 25/10/2022
- Huyện Thoại Sơn: ngày 27/10/2022
- Thành phố Long Xuyên: ngày 01/11/2022
- Huyện Tịnh Biên: ngày 04/11/2022

7. Kinh phí hoạt động: Kinh phí hoạt động của Đoàn kiểm tra được chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp trẻ em năm 2022 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

8. Tổ chức thực hiện:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan để triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch và hướng dẫn các đơn vị được kiểm tra chuẩn bị nội dung theo yêu cầu.

Các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai các nội dung kế hoạch kiểm tra việc thực hiện công tác trẻ em năm 2022.

UBND cấp huyện chuẩn bị báo cáo nội dung theo yêu cầu Đoàn kiểm tra và tạo điều kiện thuận lợi cho Đoàn kiểm tra đến làm việc, đồng thời gửi báo cáo cho các thành viên của Đoàn kiểm tra trong buổi làm việc (*Đề cương báo cáo định*

kèm); Thông báo, lựa chọn 01 trường được kiểm tra và mời các thành phần tham dự tại địa phương theo nội dung kế hoạch kiểm tra; Gửi báo cáo kết quả thực hiện phong trào thi đua (*Kèm theo bảng điểm*) tại đơn vị, địa phương về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Phòng Trẻ em - Bình đẳng giới) trước ngày 05/10/2022.

Thư ký có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu Đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra đến Thường trực UBND tỉnh.

Yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị được kiểm tra ở các địa phương và Đoàn kiểm tra nghiêm túc thực hiện tốt kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Cục Trẻ em - Bộ LĐ-TBXH;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Thành viên Đoàn kiểm tra;
- Các đơn vị kiểm tra trong kế hoạch;
- Phòng: KGVX;
- Lưu: VT, P.TE-BĐG.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Bảo Trân

Số: /....

....., ngày tháng năm 20...

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
(Phục vụ Kiểm tra thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh An Giang)

I. Đặc điểm tình hình:

Khái quát tình hình trẻ em tại địa phương (có đưa ra số liệu thống kê trẻ em).

Nêu được vấn đề tồn tại đối với công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại địa phương. Trong đó, vấn đề nổi cộm của việc thực hiện quyền trẻ em cần quan tâm để giải quyết.

II. Kết quả thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại địa phương

1. Công tác chỉ đạo, triển khai:

- Các văn bản lãnh đạo, quản lý của Đảng và nhà nước tại đơn vị, địa phương đối với công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em (Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh An Giang ban hành quy trình phối hợp hỗ trợ, can thiệp, xử lý trường hợp trẻ em bị bạo lực, xâm hại trên địa bàn tỉnh An Giang ; Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2030; Kế hoạch phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trái quy định của pháp luật giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch triển khai công tác trẻ em năm 2022 trên địa bàn tỉnh An Giang)

- Các Kế hoạch ban hành để thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trong năm 2022 và giai đoạn 2021-2025; kế hoạch phối hợp liên ngành đối với các ban, ngành, đoàn thể liên quan.

- Kinh phí thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em hằng năm tại địa phương, đơn vị.

2. Công tác phối hợp liên ngành

- Kết quả trong việc phối hợp liên ngành thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại địa phương và thực hiện Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh An Giang ban hành quy trình phối hợp hỗ trợ, can thiệp, xử lý trường hợp trẻ em bị bạo lực, xâm hại.

- Thuận lợi, khó khăn

3. Việc thực hiện mô hình Công tác xã hội học đường tại các điểm trường.

- Kết quả thực hiện mô hình Công tác xã hội học đường như: Tham vấn, tư vấn, kết nối dịch vụ, quản lý trường hợp học sinh có nguy cơ bỏ học, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, bị bóc lột, xâm hại; tổ chức sinh hoạt nhóm, chuyên đề,...

- Thuận lợi, khó khăn

3. Công tác chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

- Công tác lập hồ sơ quản lý các trường hợp trẻ em bị xâm hại, nguy cơ bị xâm hại, bóc lột, bỏ rơi và trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.

- Kết quả thực hiện các hoạt động: Thăm tặng quà; Tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí; Chăm sóc sức khỏe; Hỗ trợ tư vấn tâm lý, giáo dục....

- Thuận lợi, khó khăn

4. Việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 615/KH-SLĐTBXH ngày 17/3/2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang tổ chức phát động phong trào thi đua thực hiện công tác Trẻ em năm 2022.

- Kết quả thực hiện: tổng số điểm đạt được theo Bảng điểm thi đua

- Thuận lợi, khó khăn

IV. Kiến nghị, đề xuất

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu)

CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC
KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN TRẺ EM NĂM 2022

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
8h00 - 8h05	Giới thiệu đại biểu và nội dung làm việc	Thư ký đoàn kiểm tra và đơn vị kiểm tra
8h05 - 9h30	Đoàn kiểm tra đi thực tế tại 01 trường THCS hoặc THPT	Đoàn kiểm tra và đơn vị kiểm tra
	Làm việc tại UBND huyện	
9h45 - 10h00	Báo cáo đánh giá việc thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại địa phương.	Đơn vị kiểm tra
10h00-10h30	Trao đổi, chất vấn và đóng góp những vấn đề liên quan thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại địa phương	Đoàn kiểm tra và đơn vị kiểm tra
10h30 - 10h45	Trưởng đoàn có đánh giá và kết luận sau buổi làm việc.	Trưởng đoàn
10h45 - 11h00	Đáp từ của địa phương	UBND huyện

**BẢNG TIÊU CHÍ, THANG ĐIỂM THI ĐUA THỰC HIỆN CÔNG TÁC
TRẺ EM NĂM 2022
(DÀNH CHO ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN)**
(Ban hành kèm Kế hoạch số 615/KH-SLĐTBXH ngày 17/3/2022)

Số TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Hồ sơ minh chứng	Ghi chú
I	Công tác chỉ đạo ban hành văn bản thực hiện công tác trẻ em	20		
1	Ban hành đầy đủ các văn bản thực hiện công tác trẻ em do tỉnh yêu cầu	10	Các văn bản được ban hành	
2	Có kế hoạch phối hợp liên ngành thực hiện các chỉ tiêu công tác trẻ em	5	Có kế hoạch ban hành	
3	Có củng cố mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em theo Quyết định số 71/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	5	Có quyết định	
II	Triển khai các hoạt động thực hiện công tác trẻ em	170		
1	Địa phương có hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết công tác trẻ em trong năm	5	Kế hoạch tổ chức thực hiện, quyết định khen thưởng và các văn bản khác (nếu có)	
2	Có tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh cấp huyện, xã	5	Kế hoạch hoặc hợp đồng	
3	Có tổ chức lễ ra quân triển khai Tháng hành động vì trẻ em	10	Kế hoạch tổ chức thực hiện và các văn bản khác (nếu có)	
4	<i>Thực hiện đạt các chỉ tiêu về công tác trẻ em</i>		Có báo cáo các kết quả thực hiện	
4.1	<i>Mục tiêu 1: Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em</i>	35		
	Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em đạt 75%.	5	Có báo cáo các kết quả thực hiện	

	Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện đạt 90%.	5	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
	Chỉ tiêu 3: Giảm tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh dưới 9,5%; giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi xuống 12,5%; giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi dưới 18,5%.	5	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
	Chỉ tiêu 4: Phân đầu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng xuống dưới 9%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao xuống 19%; giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể béo phì xuống dưới 5% đối với nông thôn và dưới 10% đối với thành thị.	5	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
	Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin đạt 97%.	5	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
	Chỉ tiêu 6: Giảm tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con còn 2% trở xuống.	5	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
	Chỉ tiêu 7: Duy trì 100% cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh đảm bảo an toàn vệ sinh.	5	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
4.2	<i>Mục tiêu 2: Về bảo vệ trẻ em</i>	45		
	Chỉ tiêu 8: Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt xuống dưới 6,5%; 83% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp.	10	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
	Chỉ tiêu 9: Giảm 15% số vụ trẻ em bị xâm hại, bạo lực, xâm hại tình dục so với năm 2021; 100% trường hợp trẻ em bị xâm hại tình dục phát hiện được hỗ trợ, quản lý cas kịp thời.	10	Có báo cáo các kết quả thực hiện	

	Chỉ tiêu 10: Phần đầu giảm tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi xuống 4,9%.	5	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
	Chỉ tiêu 11: Giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích xuống 550/100.000 trẻ em; giảm tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích xuống còn 16/100.000 trẻ em.	5	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
	Chỉ tiêu 12: 100% trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.	5	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
	Chỉ tiêu 13: Từng bước xóa bỏ tình trạng tảo hôn, duy trì mức giảm số cuộc tảo hôn từ 2 đến 3% hằng năm.	5	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
	Chỉ tiêu 14: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh đạt 90%.	5	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
4.3	<i>Mục tiêu 3: Về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em</i>	35		
	Chỉ tiêu 15: Phần đầu tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội đạt 80 % .	5	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
	Chỉ tiêu 16: Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 97%.	5	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
	Chỉ tiêu 17: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học đạt 97%; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học dưới 0,3%.	5	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
	Chỉ tiêu 18: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt 88%; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở dưới 1,4%.	5	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
	Chỉ tiêu 19: Phần đầu 70% trường học có kết nối dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em.	5	Có báo cáo các kết quả thực hiện	

	Chỉ tiêu 20: Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh khuyết tật đạt 45%; tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp đạt 70%.	5	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
	Chỉ tiêu 21: Phần đầu tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em đạt 35%.	5	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
4.4	<i>Mục tiêu 4: Về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em</i>	25		
	Chỉ tiêu 22: Phần đầu 30% trẻ em từ 7 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp.	10	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
	Chỉ tiêu 23: Phần đầu 70% trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em.	5	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
	Chỉ tiêu 24: Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em đạt 30%	10	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
5	<i>Tham gia đầy đủ các hoạt động do tỉnh phát động.</i>	10	Kết quả cập nhật của Sở	
III	Chế độ báo cáo, kinh phí và nhân lực thực hiện	25 điểm		
1	Báo cáo đúng quy định, đầy đủ	10	Các báo cáo và kết quả cập nhật của bộ phận chuyên môn sở	
2	Ngân sách địa phương cấp kinh phí thực hiện công tác trẻ em cho cấp huyện (150 triệu/năm)	10	Có quyết định giao kinh phí hoặc các văn bản liên quan.	
3	Phân công cán bộ làm công tác trẻ em tại các đơn vị, địa phương (huyện, xã) và cộng tác viên đúng quy định	5	Có quyết định	

IV	Điểm thưởng	30		
1	Tất cả các mục tiêu đều đạt, vượt chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra,....	5	Có báo cáo các kết quả thực hiện	
2	Cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả được tỉnh công nhận và nhân rộng,...(có nhân rộng, thí điểm các mô hình công tác Trẻ em bằng nguồn kinh phí địa phương)	5	Minh chứng bằng báo cáo đánh giá.	
3	Kinh phí cấp huyện từ 150 triệu trở lên (nếu tăng từ 50 triệu được cộng 1 điểm) Kinh phí cấp huyện từ 30 triệu trở lên (nếu tăng từ 10 triệu được cộng 01 điểm).	Không quá 05 điểm	Có quyết định giao kinh phí hoặc các văn bản viên quan.	
4	Nếu thời gian công tác của 50% cán bộ thực hiện nhiệm vụ công tác Trẻ em cấp huyện, xã trên 05 năm	5	Tính điểm đối với tổng cán bộ cấp huyện, xã). Danh sách cán bộ thực hiện công tác VSTBPN, BDG.	
5	Vận động nguồn lực từ việc xã hội hóa (kinh phí bằng tiền mặt, các như yếu phẩm, đồ dùng thiết yếu cho trẻ, các trang thiết bị,...) với số tiền từ 100 triệu trở lên.	10	Danh sách trẻ em được nhận hỗ trợ	
V	Điểm trừ	Không quá 15		
1	Không ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo thực hiện công tác trẻ em theo chỉ đạo của cấp trên.	5	Kết quả cập nhật của Sở	
2	Nếu báo cáo trễ hạn và thiếu 01 báo cáo trừ 03 điểm	3	Kết quả cập nhật của Sở	
3	Mỗi chỉ tiêu của mục tiêu không đạt	2	Kết quả cập nhật của Sở	
4	Không củng cố mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em theo Quyết định số 71/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	5	Kết quả từ việc giám sát và nắm tình hình tại địa phương	